TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14/8/2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tám;

Ông Tống Văn Tư.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Luân– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 331/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Vũ S, sinh năm: 1995; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Chị Tăng Thị T, sinh năm: 1995; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã , huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Vũ S trình bày:

Anh và chị Tăng Thị T chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 03/12/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh và chị T đã ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Minh L, sinh ngày 18/7/2017 và Trần Tăng An N, sinh ngày 01/5/2021, hiện cháu L đang sống với anh S, cháu N đang sống với chị T. Khi ly hôn, anh S yêu cầu nuôi dưỡng con chung là cháu L và giao con chung là cháu N cho chị T nuôi dưỡng, anh S và chị T không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Tăng Thị T dù được tống đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Vũ S có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn chị Tăng Thị T dù được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh S và chị T.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, anh S yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn và nuôi con với chị T nên đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn chị T có nơi cư trú tại huyện Cái Bè nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh S và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 03/12/2016 nên là hôn nhân hợp pháp. Anh S cho rằng anh và chị T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh và chị T đã ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, anh S cương quyết xin ly hôn, còn chị T thì không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng không có ý kiến gì về việc anh S xin ly hôn với chị. Từ đó cho thấy chị T đã không yêu thương, quan tâm và không có ý định hàn gắn tình cảm cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Minh L, sinh ngày 18/7/2017 và Trần Tăng An N, sinh ngày 01/5/2021, hiện cháu L đang sống với anh S, cháu N đang sống với chị T. Khi ly hôn, anh S yêu cầu nuôi dưỡng con chung là cháu L và giao con chung là cháu N cho chị T nuôi dưỡng. Xét thấy, sau khi ly thân anh S là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Minh L, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Tăng An N, các cháu đều khỏe

mạnh và ổn định cho đến nay. Đồng thời cháu L cũng có nguyện vọng được sống chung với cha. Vì vậy việc giao con chung là cháu L cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu N cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu.

Chị Tăng Thị T và anh Trần Vũ S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị T không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh S trình bày không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, chị T không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Anh S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Vũ S.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Vũ S được ly hôn với chị Tăng Thị T.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Minh L, sinh ngày 18/7/2017 cho anh Trần Vũ S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung tên Trần Tăng An N, sinh ngày 01/5/2021 cho chị Tăng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Tăng Thị T, anh Trần Vũ S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Trần Vũ S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh S đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015470 ngày 10/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Vậy anh S đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Trần Vũ S, bị đơn chị Tăng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Lê Quế Thanh